

Số: 79/2017/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

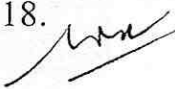
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã Hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, K7. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Quốc Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**  
**NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP TỪ NGÂN**  
**SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN THUỘC**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO**  
**BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 TRÊN ĐỊA BÀN**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **79** /2017/QĐ-UBND  
ngày **22** tháng **12** năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Điều 1. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135**

1. Đối tượng áp dụng, nguyên tắc, điều kiện và phương thức hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ dự án:

Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, dự toán được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi tiêu hiện hành, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 360 triệu đồng/dự án.

3. Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý dự án:

- Chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

- Nội dung và mức chi cụ thể: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

4. Nội dung và mức chi chuyên môn của dự án:

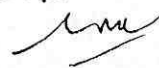
a) Đối với dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp:

- Nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Mức chi hỗ trợ:

Hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo khi tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo; 08 triệu đồng/hộ đối với hộ cận nghèo; 06 triệu đồng/hộ đối với hộ mới thoát nghèo.

b) Đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ:



- Nội dung hỗ trợ: nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ đối với hộ nghèo; 08 triệu đồng/hộ đối với hộ cận nghèo; 06 triệu đồng/hộ đối với hộ mới thoát nghèo.

c) Đối với hỗ trợ đất sản xuất, khoán chăm sóc, bảo vệ rừng: thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

5. Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người tham gia dự án, mô hình; chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án, mô hình cho đến khi có kết quả; chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án, mô hình có hiệu quả giữa các địa phương:

Thực hiện theo quy định tại Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

**Điều 2. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135**

1. Đối tượng áp dụng; nguyên tắc; điều kiện; phương thức hỗ trợ; mức hỗ trợ dự án; nội dung và mức chi: thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, và 5 Điều 1 của Quy định này.

2. Nội dung và mức chi chuyên môn của dự án: thực hiện theo quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 1 của Quy định này.

**Điều 3: Hỗ trợ phương tiện nghe - xem thuộc Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

Thực hiện theo Điểm a, b Khoản 6 Điều 19 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

2. Loại phương tiện hỗ trợ:

a) Đối với hộ nghèo sống ở xã đảo, hộ nghèo thuộc dân tộc rất ít người hoặc là người dân tộc Phù Lá hỗ trợ 01 ti vi hoặc 01 radio/hộ hoặc cả hai loại phương tiện.

b) Đối với các hộ nghèo khác hỗ trợ 01 ti vi hoặc 01 radio/hộ.

3. Yêu cầu về phương tiện hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4. Hình thức hỗ trợ: bằng tiền hoặc hiện vật.

5. Mức hỗ trợ: không quá 800.000 đồng/radio; 6.200.000 đồng/ti vi.

#### **Điều 4. Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã**

Đối với chi hỗ trợ cho công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các xã đặc biệt khó khăn Chương trình 30a và xã đặc biệt khó khăn Chương trình 135: 1.500.000 đồng/xã/năm.
- Đối với các xã khác: 1.200.000 đồng/xã/năm.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

2. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯƠNCH



Hồ Quốc Dũng

